TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HS-ST
Ngày: 27-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 01/01/1987 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: xã TT, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: ngày 18/01/2021; tạm giam: ngày 24/01/2021; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Ông Lê Phi T3 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Chí Tâm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ Nguyễn Văn Gu L1, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị Tr; Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: tạm giữ: ngày 18/01/2021; tạm giam: ngày 24/01/2021; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 17/01/1993; Nơi cư trú: xã TN, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt)

2/ Vương Mạnh T1, sinh ngày 16/12/1991; Nơi cư trú: xã NĐ, huyện TK, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

3/ Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T1 từng có thời gian lái máy cày, máy kéo thuê ở Campuchia nên quen biết T2 (không biết họ và chữ lót) và S1 (không biết họ và chữ lót) cùng là người Việt Nam sinh sống ở Campuchia Trưa ngày 17/01/2021, T2 ở Campuchia gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T1 trao đổi về việc tổ chức đưa 02 người là Nguyễn Tuấn A1; Vương Mạnh T1 nhập cảnh trái phép từ Campuchia về Việt Nam, T1 đồng ý và thỏa thuận sẽ đón khách ở Tà Sô thuộc xã Koah Sampov, huyện Peam Chor, tỉnh Pray Veng, Campuchia, đưa đến bến xe thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp với giá 2.000.000 đồng/01 người.

Thỏa thuận xong với đối tượng T2, Nguyễn Văn T1 gọi điện thoại thuê Nguyễn Văn Gu L1 và S1 (ở Campuchia) đến Tà Sô để đón khách và thỏa thuận trả công cho S1 1.000.000 đồng, trả công cho Gu L1 400.000 đồng, Gu L1 và S1

đồng ý. Nguyễn Văn T1 cho S1 số điện thoại của T1 ở Campuchia để liên hệ rước khách.

Chiều 17/01/2021, Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô biển số 66K1- 296.33 chở Gu L1 đến bờ sông thuộc ấp 1, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự. Nguyễn Văn T1 mượn xuồng gỗ của ông Hứa Vũ Ng (cậu của Nguyễn Văn T1) cùng với Gu L1 bơi xuồng qua Campuchia rồi Nguyễn Văn T1 cùng Gu L1 đến nhà K (bạn của T1, là người Việt Nam, sinh sống ở Campuchia) mượn xe mô tô Wave màu xanh, đưa cho Gu L1 cùng với S1 đi đến Tà Sô rước khách.

Khoảng 21 giờ, Gu Liết và S1 rước A1, T1 về đến điểm hẹn với Nguyễn Văn T1 ở khu vực bờ sông biên giới bên Campuchia. Tại đây, S1 đưa cho Nguyễn Văn T1 4.000.000 đồng do T2 ở Campuchia nhờ đưa giùm, sau khi nhận số tiền này Nguyễn Văn T1 đưa cho S1 2.000.000 đồng (trả tiền công 1.000.000 đồng, trả nợ 1.000.000 đồng). Nguyễn Văn T1 mang xe mô tô mượn của Kiệt để tại nhà bà Nguyễn Thị H1 là mẹ của Nguyễn Văn T1 ở Campuchia, rồi mượn xuồng của bà H1 để bơi về Việt Nam, sáng hôm sau sẽ bơi xuồng quay sang lấy xe trả cho K.

Sau đó, Nguyễn Văn T1 kêu Gu L1 dẫn A1, T1 xuống xuồng của bà H1 do Nguyễn Văn T1 chuẩn bị sẵn ngồi chờ Nguyễn Văn T1 bơi xuồng của ông Vũ Nguyên về trước, khi nào Nguyễn Văn T1 nhá máy điện thoại thì Gu L1 mới bơi xuồng về bên bờ Việt Nam. Khi được Nguyễn Văn T1 báo tín hiệu thì L1 bơi xuồng chở A1 và T1 về bên bờ Việt Nam, đậu ở chỗ vắng người, gần bãi đá phía trước Trường Tiểu học Thường Thới Hậu B2 (nay là Trường Tiểu học Thường Lạc 2) rồi cả ba người lên bờ. Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô biển số 66K1-296.33 chở Gu L1, A1, T1 đi đến bến xe TP. Hồng Ngự, trên đường đi thì bị lực lượng Công an tuần tra phát hiện, bắt quả tang.

* Ngoài lần tổ chức cho A1, T1 nhập cảnh trái phép bị bắt quả tang vào ngày 17/01/2021, Nguyễn Văn T1 thừa nhận đã 05 lần tổ chức cho 11 người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (xuất cảnh 02 lần/03 người, nhập cảnh 03 lần/08 người), hưởng lợi 8.400.000 đồng. Trong đó, Gu L1 khai nhận tham gia cùng Nguyễn Văn T1 tổ chức 02 lần cho 03 người xuất cảnh trái phép. Cụ thể:

Lần 01: Trước noel năm 2020 khoảng 06 ngày, T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho 02 vợ chồng **xuất cảnh** trái phép từ Việt Nam sang Campuchia. Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô đón khách ở bến xe TP Hồng Ngự chở đến bờ

sông thuộc khu vực ấp 1, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự; tại đây Gu L1 bơi xuồng chở khách từ bờ sông Việt Nam sang bờ Campuchia, được T2 trả công 600.000 đồng. Lần này, Nguyễn Văn T1 khai chưa nhận được tiền công của T2 ở Campuchia.

Lần 02: Sau noel năm 2020 khoảng 03 ngày, T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho 01 người (nam) **xuất cảnh** trái phép từ Việt Nam sang Campuchia. Nguyễn Văn T1 trực tiếp dùng xe mô tô chở khách đến bờ sông và bơi xuồng đưa khách từ bờ sông Việt Nam sang bờ Campuchia. Lần này Nguyễn Văn T1 có rủ Gu L1 cùng tham gia nhưng Gu L1 từ chối. Nguyễn Văn T1 chưa nhận được tiền công.

Tuy nhiên, Gu L1 khai nhận có tham gia cùng với Nguyễn Văn T1 đưa 01 người nam xuất cảnh trái phép, và được T1 trả tiền công 400.000 đồng.

Lần 03: Ngày 08/01/2021 (sau đi Tân Hưng về), T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho 03 người (02 nam, 01 nữ) **nhập cảnh** trái phép. Nguyễn Văn T1 thuê Gu L1 bơi xuồng qua sông phía Campuchia rước người nhập cảnh trái phép về bờ Việt Nam, sau đó Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô chở 03 người ra bến xe thành phố Hồng Ngự. Lần này Nguyễn Văn T1 nhận được tiền công của cả 03 lần là 5.000.000 đồng (trả công cho Gu L1 tổng cộng 700.000 đồng, trả nợ 2.000.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân).

Lần 04: Ngày 12/01/2021 T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho 03 người nam **nhập cảnh** trái phép. Nguyễn Văn T1 thuê Gu L1 bơi xuồng qua sông phía Campuchia rước người nhập cảnh trái phép về bờ Việt Nam, sau đó Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô chở 03 người ra bến xe thành phố Hồng Ngự. Lần này, Nguyễn Văn T1 nhận được tiền công là 3.000.000 đồng (trả công cho Gu L1 tổng cộng 700.000 đồng, trả tiền thuê phòng trọ 1.000.000 đồng, còn lại cùng tiêu xài cá nhân).

Lần 05: Ngày 15/01/2021 T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho 02 người nam **nhập cảnh** trái phép. Nguyễn Văn T1 thuê Gu L1 bơi xuồng qua sông phía Campuchia rước người nhập cảnh trái phép về bờ Việt Nam, sau đó Nguyễn Văn T1 dùng xe mô tô chở 02 người ra bến xe thành phố Hồng Ngự. Lần này, Nguyễn Văn T1 nhận được tiền công là 3.000.000 đồng (trả cho Gu L1 200.000 đồng, cho Gu L1 mượn 1.000.000 đồng, còn lại cùng tiêu xài cá nhân).

Trong các lần thứ 3,4,5, Gu L1 không thừa nhận có tham gia, vì ngoài lần

tổ chức cho 02 người nhập cảnh trái phép bị bắt quả tang, không có lần nào cùng Nguyễn Văn T1 tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép như lời khai của Nguyễn Văn T1. Cơ quan điều tra đã cho đối chất nhưng Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Quá trình điều tra đã thu giữ tài sản, đồ vật như sau:

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T1:

+ 01 xe mô tô hiệu Winner màu xanh đen, đỏ, số máy KC26E1130252, số khung 2602GY234915, biển số 66K1-29633.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66K1-296.33 tên Nguyễn Văn T1.

+ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEL 1: 353200111485826; IMEL 2: 353200116485821.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ màu đen, IMEL 1: 352808092014042; IMEL 2: 352809092014040.

+ Tiền Việt Nam 7.682.000 đồng.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 074050794474623.

+ 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn T1.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn Gu L1:

+ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEL 1: 357761101179295; IMEL 2: 357761101679294.

+ 01 thẻ ngân hàng SHB 9704431091798014.

- Thu giữ 01 chiếc xuồng bằng gỗ do Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 làm phương tiện phạm tội.

- Ngày 01/6/2021, vợ của Nguyễn Văn T1 là Nguyễn Thị Thùy D1 đã nộp thay cho T1 số tiền thu lợi bất chính là 2.718.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, lời nhận tội phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép" theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn Gu L1 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của các bị cáo, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội 06 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trởi lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn Gu L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài lần bị bắt quả tang Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 còn khai những lần phạm tội trước đó, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ "Tự thú"; Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 có nhận thức pháp luật hạn chế, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 07 đến 08 năm tù.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 348; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Gu L1 từ 05 đến 06 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh nên không đề cập đến.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Winner màu xanh đen đỏ, số máy KC26E1130252, số khung 2602GY234915, cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66K1-296.33 tên Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ màu đen, IMEL 1: 352808092014042; IMEL 2: 352809092014040; 01 điện

thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEL 1: 357761101179295; IMEL 2: 357761101679294; Buộc Nguyễn Văn T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.400.000 đồng; Buộc Nguyễn Văn Gu L1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

+ Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã trả lại cho Nguyễn Văn T1 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 074050794474623; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEL 1: 353200111485826; IMEL 2: 353200116485821 và 01 giấy phép lái xe; trả cho Nguyễn Văn Gu L1 01 thẻ ngân hàng SHB 9704431091798014 do không liên quan đến vụ án.

+ Đối với số tiền 7.682.000 đồng là tài sản của Nguyễn Văn T1 và số tiền 2.718.000 đồng do vợ của Nguyễn Văn T1 là Nguyễn Thị Thùy D1 đã nộp thay cho T1 số tiền thu lợi bất chính, nên quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với chiếc xe mô tô Wave màu xanh T1 mượn của Kiệt giao cho Gu L1 điều khiển chở Nguyễn Tuấn A1 từ Tà Sô đến khu vực biên giới ở Campuchia. T1 không cho Kiệt biết đã sử dụng xe trong quá trình tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Do sự việc xảy ra ở Campuchia nên Cơ quan An ninh điều tra không có điều kiện xác minh và thu giữ phương tiện này.

+ Đối với 01 chiếc xuồng bằng gỗ do Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 làm phương tiện phạm tội. Nhưng xuồng gỗ này thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H1 (mẹ ruột của T1). Nguyễn Văn T1 không nói cho bà H1 biết việc sử dụng để tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ Đối với xuồng gỗ mà Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 mượn của ông Hứa Vũ Nguyên (cậu của T1), ông Nguyên không biết việc T1 dùng xuồng làm phương tiện phạm tội nên không đề cặp xử lý đối với chiếc xuồng này.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Gu L1 thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 trình bày: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự thú những lần phạm tội trước, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn; ngoài ra, bị cáo có ông ngoại có công với cách mạng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vào ngày 17/01/2021, các bị cáo đã tổ chức cho Nguyễn Tuấn A1, Vương Mạnh T1 nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam với tiền công là 2.000.000 đồng/người; ngoài ra, Nguyễn Văn T1 còn 05 lần tổ chức cho 11 người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (xuất cảnh 02 lần/03 người, nhập cảnh 03 lần/08 người), hưởng lợi 8.400.000 đồng, Nguyễn Văn Gu L1 tham gia cùng Nguyễn Văn T1 tổ chức 02 lần cho 03 người xuất cảnh trái phép, hưởng lợi 1.000.000 đồng. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép.

[3] Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), như sau:

"1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt từ từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Đối với 11 người trở lên;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[4] Về đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy là rất nguy hiểm cho xã hội. Chúng ta biết rằng việc xuất cảnh, nhập cảnh ra, vào Việt Nam có liên quan chặt chẽ đến việc bảo vệ an ninh đất nước và trật tự an toàn xã hội. Do đó hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện bởi các quy định chặt chẽ của pháp luật, mọi vi phạm đều bị xử phạt nghiêm khắc, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt của đời sống xã hội không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên toàn thế giới. Hiểu rõ điều đó nhưng chỉ vì tiền mà Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 đã bất chấp pháp luật, bất chấp mọi nỗ lực của cả nước trong việc phòng chống đại dịch bệnh Covid-19 để tổ chức cho 06 lượt người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Việc làm này là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ an ninh biên giới và tạo ra nguy cơ lây lan dịch bệnh rất cao. Bởi vậy phải xử phạt nghiêm khắc các bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật cũng như có tác dụng tích cực đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống dịch bệnh Covid-19 nói riêng.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tuy là vụ án có đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người, không có tính toán, chuẩn bị kỹ càng chu đáo cho việc thực hiện tội phạm nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Vị trí, vai trò của từng bị cáo cụ thể như sau: Nguyễn Văn T1 được T2 ở Campuchia thuê tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép, bị cáo đã 06 lần tổ chức cho 13 người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép (xuất cảnh 02 lần/03 người; nhập cảnh 04 lần/10 người), hưởng lợi 10.400.000 đồng. Nguyễn Văn Gu L1 được Nguyễn Văn T1 thuê cùng tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép tổng cộng 03 lần với số lượng 05 người (xuất cảnh 02 lần/03 người, nhập cảnh 01 lần/02 người), hưởng lợi 1.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn T1 là người có vai trò cao nhất, sau đó là bị cáo Nguyễn Văn Gu L1.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội 06 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trởi lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo trong quá trình điều tra đã tự thú đối với các lần đưa người xuất nhập cảnh trái phép ngoài lần bị bắt quả tang; ngoài ra các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, áp dụng các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với lập luận của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 cho rằng bị cáo bị cáo có ông ngoại có công với cách mạng, tuy nhiên ngoài bản photocopy Bằng Tổ quốc ghi công đối với Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoài do người bào chữa nộp thì không có văn bản nào xác nhận mối quan hệ giữa bị cáo Nguyễn Văn T1 và Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoài, mặt khác chính bị cáo cũng không biết Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoài là ai, có mối quan hệ như thế nào với bản thân; cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận những lập luận này của người bào chữa để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Tuấn A1, Vương Mạnh T1: cả 02 khai nhận thông

qua mối quan hệ bạn bè thì liên lạc được với người đồng ý đưa họ nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Khoảng 18 giờ ngày 17/01/2021, T1 được đón bằng xe ô tô 4 chổ ở Phnôm Pênh đi khoảng 2 giờ sau thì xe đón thêm A1, đi thêm khoảng 1 giờ nữa thì xuống xe. T1 và A1 được S1 và L1 chở đến khu vực biên giới Campuchia - Việt Nam bằng 02 xe mô tô, đến nơi khoảng 21 giờ 30 phút thì được L1 bơi xuồng gỗ đưa qua sông và tiếp tục được chở bằng xe môtô đến thành phố Hồng Ngự nhưng trên đường đi thì bị phát hiện bắt giữ. Nguyễn Tuấn A1, Vương Mạnh T1 đã có hành vi nhập cảnh trái phép vào ngày 17/01/2021. Tuy nhiên, qua điều tra xác định A1 và T1 đều chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này, nên Công an huyện Hồng Ngự đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 4.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đối với các đối tượng T2 và S1 là những người tham gia tổ chức cho người khác nhập cảnh, xuất cảnh trái phép cùng với Nguyễn Văn T1 và Gu L1. Nhưng do 02 đối tượng cư trú ở Campuchia, không xác định được nhân thân, lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan An ninh điều tra chưa đủ thông tin để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ hành vi sai phạm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, điều kiện kinh tế thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận.

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Gu L1 đồng phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép".

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ 18/01/2021.

3. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 348, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Gu L1 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ 18/01/2021.

4. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Winner màu xanh đen đỏ; số máy KC26E1130252, số khung 2602GY234915; biển kiểm soát 66K1-296.33 (đã qua sử dụng) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 66K1-296.33 mang tên Nguyễn Văn T1.

4.2. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ màu đen, IMEL 1: 352808092014042; IMEL 2: 352809092014040 (đã qua sử dụng).

4.3. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEL 1: 357761101179295; IMEL 2: 357761101679294 (đã qua sử dụng).

(Những vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 7 năm 2021).

4.4. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 10.400.000 đồng. (Hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên lai thu tiền số: AM/2012/016720 ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên lai thu tiền số: AN/2010/004921 ngày 13 tháng 7 năm 2021)

4.5. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Gu L1 nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lương Bằng